

Bản án số: 14/2025/KDTM-ST

Ngày: 31/7/2025

Về việc: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hồng Ngọc

2. Ông Trần Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2025/TLST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐST - KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-KDTM ngày 11/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH X.

Địa chỉ trụ sở: Số F, Đường Ba tháng hai, phường A, quận A (nay là phường D), thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn H – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966;

Địa chỉ liên hệ: 670-672, Đường Ba tháng hai, phường A, quận A (nay là phường D), thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy uỷ quyền ngày 17/12/2024)

- Bị đơn: Công ty TNHH Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1 - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở: Số H, khu phố C, phường T, thành phố B (nay là phường T),

tỉnh Đồng Nai.

(Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2025 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Nhà máy B - L là đơn vị hoạt động theo uỷ quyền của Công ty TNHH X (Nhà máy B - L) ký kết với Công ty TNHH Đ (Công ty Đ) 01 Hợp đồng mua bán hàng hóa, cụ thể như sau:

Hợp đồng số 102/HDMB-BTT/2022 ngày 04/01/2023 về việc mua bán hàng hóa là bê tông tươi, cung cấp cho công trình tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai của Công ty Đ. Với tổng giá trị thực hiện hợp đồng là 422.918.500 đồng (*Bốn trăm hai mươi hai triệu chín trăm mười tám ngàn năm trăm đồng*). Nhà máy B - L đã hoàn thành việc cung cấp các loại sản phẩm bê tông tươi tương ứng số tiền 422.918.500 đồng (*bốn trăm hai mươi hai triệu, chín trăm mười tám ngàn, năm trăm đồng*) cho Công ty Đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã thanh toán tạm ứng cho Nhà máy B - L số tiền: 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Tổng số tiền Công ty Đ còn nợ Nhà máy bê tông H - L là: 222.918.500 đồng (*Hai trăm hai mươi hai triệu chín trăm mười tám ngàn năm trăm đồng*).

Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/04/2023 của Nhà máy B - L và Công ty Đ về việc xác nhận số nợ 222.918.500 đồng (*Hai trăm hai mươi hai triệu chín trăm mười tám ngàn năm trăm đồng*). Công ty TNHH X đã nhiều lần yêu cầu thanh toán số tiền hàng còn thiếu nêu trên nhưng đến nay Công ty Đ vẫn không thanh toán số tiền còn nợ.

Vì vậy, Công ty TNHH X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH X 01 lần ngay khi bản án sơ thẩm có hiệu lực số tiền 222.918.500 đồng (*hai trăm hai mươi hai triệu, chín trăm mười tám ngàn, năm trăm đồng*). Không yêu cầu tính lãi.

** Đối với bị đơn là Công ty TNHH Đ: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không uỷ quyền cho người nào khác đến tham gia tố tụng, không có văn bản gửi Tòa án trình bày quan điểm, ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phát biểu:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các bên đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X là có căn cứ.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Đ có nghĩa vụ phải trả cho Công ty TNHH X số tiền mua hàng còn nợ là 222.918.500 đồng (*hai trăm hai mươi hai triệu, chín trăm mười tám ngàn, năm trăm đồng*). Về tiền lãi, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty TNHH X đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là Công ty TNHH Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy, bị đơn là Công ty TNHH Đ, có trụ sở tại địa chỉ: Số H, khu phố C, phường T, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai. **Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH X về việc yêu bị đơn Công ty TNHH Đ phải trả khoản nợ phát sinh trong Hợp đồng mua bán số 102/HDMB-BTT/2022 ngày 04/01/2023. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “*Tranh*

chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; **Điều 24 của Luật thương mại 2005**.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Ngày 04/01/2023, Nhà máy B là đơn vị hoạt động theo uỷ quyền Công ty TNHH X (Nhà máy B - L) ký kết với Công ty TNHH Đ (Công ty Đ) 01 Hợp đồng mua bán số 102/HĐMB-BTT/2022, về việc mua bán hàng hóa là bê tông tươi, cung cấp cho công trình tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo yêu cầu của Công ty Đ. Với tổng giá trị thực hiện hợp đồng là 422.918.500 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có văn bản gửi cho Tòa án trình bày quan điểm, ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, nhưng qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng mua bán ngày 04/01/2023, biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/04/2023 giữa Công ty TNHH X với Công ty Đ, có đầy đủ chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của các bên đơn trong hợp đồng. **Căn cứ Điều 3, Điều 24, Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 385, Điều 433, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015**. Do đó, Hợp đồng mua bán số 102/HĐMB-BTT/2022 ngày 04/01/2023 phát sinh hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Nhà máy B - L của Công ty TNHH X đã hoàn thành việc cung cấp các loại sản phẩm bê tông tươi cho Công ty Đ tại công trình tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai tương ứng số tiền 422.918.500 đồng (*bốn trăm hai mươi hai triệu, chín trăm mười tám ngàn, năm trăm đồng*). Tuy nhiên, Công ty Đ mới chỉ thanh toán tạm ứng số tiền: 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Ngày 19/04/2023, Công ty Đ đã ký biên bản đối chiếu công nợ xác nhận số nợ còn lại 222.918.500 đồng (*Hai trăm hai mươi hai triệu chín trăm mười tám ngàn năm trăm đồng*) nhưng đến nay Công ty Đ vẫn không thanh toán.

Như vậy, **Công ty Đ** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo nội dung đã cam kết, thỏa thuận tại Điều 3 trong Hợp đồng mua bán, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. **Căn cứ Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 385, Điều 433, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Hợp đồng mua bán số 102/HĐMB-BTT/2022 ngày 04/01/2023** thì việc khởi kiện đòi nợ của Công ty X là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty X về việc yêu cầu Công ty Đ phải trả số tiền nợ nêu trên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Công ty TNHH Đ phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH X số tiền 222.918.500 đồng (*Hai trăm hai mươi hai triệu, chín trăm mười tám ngàn, năm trăm đồng*).

Đối với khoản tiền lãi chậm trả, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên không đặt ra giải quyết.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Công ty TNHH Đ phải chịu 11.145.925 đồng (*Mười một triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi lăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH X 5.572.000đ (*Năm triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006257 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - tỉnh Đồng Nai).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng **Căn cứ Điều 3, Điều 24, Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 385, Điều 433, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;**

- Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X đối với Công ty TNHH Đ về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

1. Buộc Công ty TNHH Đ có nghĩa vụ phải trả cho Công ty TNHH X số tiền 222.918.500 đồng (*Hai trăm hai mươi hai triệu, chín trăm mười tám nghìn, năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH Đ phải chịu 11.145.925 đồng (*Mười một triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi lăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH X 5.572.000đ (*Năm triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006257 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - tỉnh Đồng Nai).

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Về việc thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 1 – Biên Hòa (1);
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Trần Văn Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

